

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:** Ông *Phạm Tiến Trung*
- **Các Hội thẩm nhân dân:** + Ông *Nguyễn Quyết Thắng*
+ Bà *Nguyễn Thụy Đảm*
- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà *Trịnh Thị Phương*
- **Đại diện VKSND huyện Văn Giang tham gia phiên tòa:** Ông *Lê Thanh Lưu* - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2017, Tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Liên Nghĩa, Tòa án nhân dân huyện Văn Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm lưu động vụ án hình sự thụ lý số: 26/2017/TLST-HS ngày 30/5/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Như T - Sinh năm: 1992

HKTT: Xã ĐT, huyện KC, tỉnh HY

Chỗ ở: Thôn BK, xã LN, huyện VG, tỉnh HY

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do

Con ông: Nguyễn Đạt T1 - SN: 1966; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Con bà: Lê Thị V - SN: 1963; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo con là út

Vợ, con: Chưa có

Tiền án: Chưa

Tiền sự: Ngày 03/3/2017, bị Công an xã Liên Nghĩa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Theo lệnh trích xuất có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Bà *Nguyễn Thị H* - Sinh năm: 1962

Địa chỉ: Thôn BK, xã LN, huyện VG, tỉnh HY

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà *Nguyễn Thị T2* - Sinh năm: 1962

Địa chỉ: Khu DV, xã LN, huyện VG, tỉnh HY

2. Anh **Lê Thanh D** - Sinh năm: 1998

3. Anh **Phạm Minh T3** - Sinh năm: 1985

Đều có địa chỉ: Thôn VT, xã LN, huyện VG, tỉnh HY

4. Anh **Lý Văn T4** - Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn ĐK, xã LN, huyện VG, tỉnh HY

5. Anh **Vũ Văn T5** - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn SD, xã LH, huyện VG, tỉnh HY

6. Chị **Phùng Thị T6** - Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn HT, xã MS, huyện VG, tỉnh HY

Tại phiên tòa: Người bị hại và người liên quan đều vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Như T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Tối ngày 17/3/2017, Lê Thanh D đến nhà Nguyễn Như T ở thôn BK, xã LN chơi và ngủ lại qua đêm. Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 18/3/2017, T ngủ dậy trước D và điều khiển xe máy nhãn hiệu ARROW biên số 16N3-1049 (T mượn của anh Phạm Minh T3) đi chơi, khoảng 30 phút sau T về nhà vẫn thấy D đang ngủ. T quan sát thấy nhà bà Nguyễn Thị H ở sát cạnh nhà T khóa cổng, khóa cửa không có ai ở nhà, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình bà H. T đến gần cửa sổ bằng gỗ phía sau nhà bà H tiếp giáp với đất vườn nhà T. T dùng hai tay giật mạnh hai cánh cửa sổ làm hai cánh cửa bật mở ra phía ngoài. T trèo lên mép cửa sổ, tay phải bám vào chấn song thứ 4, tay trái bám vào chấn song cuối cùng thứ 6 tính từ phải qua trái giật mạnh nhiều lần làm thanh chấn song này bị gãy rời làm hai, tạo thành khe hở. T chui qua khe hở vào trong phòng khách nhà bà H và đến gần chiếc tủ gỗ đựng quần áo. T dùng tay trái cầm vào tay nắm cánh cửa tủ bên trái giật mạnh làm bung chốt khóa cánh tủ bên trái, T tìm thấy trong túi áo gile treo trên móc trong tủ có tệp tiền chẵn buộc chun nịt gồm các loại mệnh giá 500.000đ, 200.000đ và 100.000đ. T bỏ chun nịt ra rồi cất tệp tiền vào túi quần đang mặc và tiếp tục lục tìm trong túi áo vest màu đen thấy có tệp tiền lẻ khoảng 300.000đ gồm các loại mệnh giá: 50.000đ, 20.000đ, 10.000đ, 5.00đ và 2.000đ. T cất tệp tiền này vào túi quần đang mặc, khép cánh cửa tủ lại rồi chui qua cửa sổ về nhà. Về đến nhà, T thấy D vẫn đang ngủ, do không biết chữ và không đếm được số tiền lớn nên T gọi D dậy nhờ D đếm hộ tệp tiền chẵn vừa trộm cắp được, còn tệp tiền lẻ T vẫn để trong túi quần. Khi T đưa tiền cho D đếm, T nói với D là tiền này do T đi bốc hộ, D không hỏi gì rồi đếm được 6.500.000đ và trả lại cho T. T dùng tiền trộm cắp được mua của anh Lý Văn T4 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300 màu vàng để sử dụng và mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110i cho D, hết tổng số tiền 850.000đ. T mua của bà Nguyễn Thị T2 01 chiếc mũ lưỡi trai bằng vải màu đen, 01 đôi dép tông màu đen xám để sử dụng và mua cho D 01 chiếc mũ lưỡi trai bằng vải màu trắng, hết tổng số tiền

125.000đ. T trả nợ chị Phùng Thị T6 500.000đ và mua 400.000đ tiền thẻ điện thoại cho Vũ Văn T5. Số tiền còn lại T sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân. Ngày 19/3/2017, T đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang đầu thú khai nhận đã trộm cắp của gia đình bà H số tiền 6.800.000đ và giao nộp 01 chiếc xe máy nhãn hiệu ARROW biển số 16N3-1049; 01 chiếc mũ lưỡi trai màu đen; 01 đôi dép tông màu xám; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300 màu vàng; 01 chiếc điện thoại di động Nokia 110i màu đen trắng và số tiền 810.000đ.

Quá trình khám nghiệm hiện trường ngày 19/3/2017, cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang thu giữ 01 thanh gỗ (chân song cửa sổ) kích thước 69cm x 2,3cm x 2,2cm một đầu có vết gãy nhọn.

Ngày 08/5/2017, cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang thu giữ của Lê Thanh D 01 chiếc mũ lưỡi trai màu trắng, còn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110i màu trắng (T mua cho D), quá trình sử dụng D đã làm mất nên cơ quan cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang không thu giữ được.

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị H xác định bị trộm cắp 6.800.000đ và yêu cầu T phải bồi thường số tiền trên cho bà, hiện T vẫn chưa bồi thường. Còn chiếc chân song cửa sổ và chốt khóa cánh tủ do T làm hỏng, bà H không yêu cầu bồi thường.

Đối với anh Lý Văn T4, bà Nguyễn Thị T2, chị Phùng Thị T6, anh Vũ Văn T5 là người bán điện thoại, mũ, dép tông, nhờ mua thẻ điện thoại và được T trả nợ. Tuy nhiên, họ đều không biết T phạm tội mà có tiền nên cơ quan CSĐT Công an huyện VG không xem xét xử lý đối với những người trên.

Đối với Lê Thanh D là người đếm tiền sau khi T trộm cắp đem về và được T mua cho 01 chiếc mũ, 01 chiếc điện thoại di động và đi chơi cùng T nhưng D không biết số tiền trên là do T phạm tội mà có nên cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang không xem xét xử lý đối với D.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu ARROW biển số 16N3-1049 do T mượn của anh Phạm Minh T3. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe trên không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, không xác định được chủ sở hữu, kết quả tra cứu không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Anh T3 mua của một người đàn ông không rõ tên, tuổi địa chỉ từ khoảng thời gian tháng 2/2017 với giá là 2.000.000đ. Chiếc xe này cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang chuyển cho đội CSGT-TT Công an huyện Văn Giang để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 30/QĐ-VKS-HS, ngày 29/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố bị cáo Nguyễn Như T về tội “**Trộm cắp tài sản**” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo tự nguyện bồi thường trả bà H số tiền 6.800.000đ. Đối với số tiền 500.000đ bị cáo trả nợ chị Phùng Thị T6, số tiền 400.000đ bị cáo mua thẻ điện thoại cho anh Vũ Văn T5, số tiền bị cáo mua điện thoại và mũ lưỡi trai cho anh D, nay bị cáo không yêu cầu những người trên phải trả lại cho bị cáo. Số tiền 810.000đ bị cáo giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang là số tiền còn lại trong tổng số 6.800.000đ mà bị cáo trộm cắp của bà H, nay bị cáo nhất trí trả lại bà H để đối trừ với số tiền mà bị cáo phải bồi thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyên Như T phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”. Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 138; điểm g-h-p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ-ọc thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Văn Giang:

XÉT THẤY:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyên Như T tại phiên toà hôm nay phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định vào khoảng 08 giờ ngày 18/3/2017, Nguyên Như T trú tại thôn BK, xã LN, huyện VG, tỉnh HY quan sát thấy nhà bà Nguyễn Thị H ở sát cạnh nhà T khóa cổng, khóa cửa không có ai ở nhà, T đã bẻ chân song cửa sổ chui vào nhà bà H, giật bung chốt khóa cánh tủ lấy trộm 6.800.000đ để tiêu sài cá nhân.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do động cơ tư lợi bị cáo vẫn thực hiện, số tiền bị cáo trộm cắp được có giá trị 6.800.000đ. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố bị cáo Nguyên Như T về tội “**Trộm cắp tài sản**” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Đối với Lê Thanh D là người đếm tiền sau khi T trộm cắp đem về và được T mua cho 01 chiếc mũ, 01 chiếc điện thoại di động và đi chơi cùng T nhưng D không biết số tiền đó là do T phạm tội mà có nên cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang không xem xét xử lý đối với D là chính xác.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu ARROW biển số 16N3-1049 do T mượn của anh Phạm Minh T3. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe trên không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, không xác định được chủ sở hữu, kết quả tra cứu không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng. Anh T3 mua của một người đàn ông không rõ tên, tuổi địa chỉ từ khoảng thời gian tháng 2/2017 với giá là 2.000.000đ. Chiếc xe này cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang chuyển cho đội CSGT-TT Công an huyện Văn Giang để xử lý theo quy định của pháp luật. Vậy vấn đề này anh T3 liên hệ với đội CSGT-TT để được giải quyết.

Khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm."

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự trị an nông thôn, gây hoang mang, lo lắng và bất bình trong quần chúng nhân dân.

Ngày 03/3/2017 bị cáo bị Công an xã Liên Nghĩa xử phạt vi phạm hành chính về hành vi ***"Trộm cắp tài sản"***, nhưng bị cáo không coi đó là bài học để cảnh tỉnh cho bản thân. Chỉ sau một thời gian ngắn, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Điều đó chứng tỏ bị cáo là con người coi thường pháp luật, lười lao động nhưng lại thích chơi bời, hưởng thụ trên mồ hôi công sức của người khác. Vì vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Việc đ- a bị cáo ra xét xử tại phiên toà lưu động hôm nay không chỉ nhằm mục đích trừng trị, giáo dục giúp bị cáo sớm trở thành ng- ời có ích cho gia đình, xã hội mà còn nhằm mục đích tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật trong quần chúng nhân dân. Từ đó có thái độ tôn trọng pháp luật và phối hợp cùng các cơ quan bảo vệ pháp luật đấu tranh, phòng chống và loại trừ loại tội phạm này ra khỏi đời sống xã hội. Việc quyết định hình phạt của HĐXX còn là lời cảnh báo răn đe đối với những ng- ời có ý định thực hiện tội phạm về chiếm đoạt tài sản nói riêng và các loại tội phạm khác nói chung đã đ- ợc Bộ luật hình sự của n- ớc CHXHCN Việt nam quy định.

Để đáp ứng yêu cầu phòng chống tội phạm, trên cơ sở xem xét đến nhân thân, tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo, HĐXX xét thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo một hình phạt t- ơng xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có nh- vậy mới đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo và cũng là bài học phòng ngừa chung cho mọi ng- ời.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng nh- tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội gây thiệt hại không lớn; sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đ- ợc quy định tại điểm p-h-g khoản 1 và khoản 2 điều 46 - BLHS, HĐXX sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt, bị cáo nhất trí bồi thường số tiền 6.800.000đ cho bà H như bà yêu cầu, nên HĐXX sẽ chấp nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 810.000đ là tiền bị cáo trộm cắp của bà H, sẽ trả cho bà H để đối trừ với số tiền mà bị cáo phải bồi thường.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Nokia 110i của bị cáo sử dụng trước đó không liên quan đến việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Nokia 6300 màu vàng, bị cáo dùng số tiền trộm cắp được để mua của anh T4. Xét thấy đây là tài sản hình thành do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu cho phát mại sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 chiếc mũ lưỡi trai màu đen, 01 chiếc mũ lưỡi trai màu trắng, 01 đôi dép tông màu xám và 01 thanh gỗ (chấn song cửa sổ) kích thước 69cm x 2,3cm x 2,2cm một đầu có vết gãy nhọn, xác định không có giá trị nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 98-99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999; Luật án phí năm 2015; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Như T phạm tội **“Trộm cắp tài sản”**.

2/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm g-h-p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Như T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 19/3/2017.

3/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

4/ Về trách nhiệm dân sự và vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 điều 41; khoản 1 điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm b-c-d khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357, 468 và 589 Bộ luật dân sự 2015.

Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo, buộc bị cáo Nguyễn Như T phải bồi thường trả bà Nguyễn Thị H số tiền 6.800.000đ. Đối trừ với số tiền 810.000đ bị cáo đã giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an huyện VG, nay bị cáo còn phải trả bà H số tiền 5.990.000đ.

Tịch thu cho tiêu hủy 02 chiếc mũ lưỡi trai (01 chiếc màu trắng và 01 chiếc màu đen); 01 đôi dép tông màu đen xám; 01 thanh gỗ (chấn song cửa sổ) kích thước 69cm x 2,3cm x 2,2cm một đầu có vết gãy nhọn.

Tịch thu chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 6300 màu vàng đã cũ cho phát mại bán đấu giá, sung công quỹ Nhà nước.

Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động Nokia 110i.

(Các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/6/2017 giữa Công an huyện Văn Giang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Giang và theo ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử ngày 28/6/2017)

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nếu không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án.

5/ Về án phí: Bị cáo Nguyễn Như T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 340.000đ tiền án phí dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án; VKSND tỉnh Hà Nội.
- CA, VKS, THADS huyện Văn Giang.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND xã Liên Nghĩa
- Lưu.

Phạm Tiến Trung